

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định một số chế độ, chính sách
và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 17/TTr-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh “về việc ban hành quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp”; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này “*Quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp*”.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức triển khai thực hiện và bảo đảm kinh phí cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan hữu quan căn cứ nghị quyết thi hành.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX “*về việc quy định một số chế*

độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2016 - 2021” và Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX “về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX về việc quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2016 - 2021”.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa X, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 13 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Công báo - Tin học (đăng Công báo);
- Lưu (NH). *kh*

CHỦ TỊCH *kh*



Lữ Văn Hùng



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp**
(Kèm theo Nghị quyết số 09 /2021/NQ-HĐND
ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số khoản chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, các kỳ họp của Hội đồng nhân dân, hội nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; thẩm tra, giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri, xây dựng văn bản của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; chi hỗ trợ đại biểu, cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân và một số khoản chi chế độ, chính sách xã hội và chi tiêu đón tiếp khách trong nước,...

2. Đối tượng áp dụng

Bao gồm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Việc chi tiêu tài chính cho hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải bảo đảm kịp thời, thống nhất mức chi, mục chi, đối tượng chi trên cơ sở chế độ, định mức quy định tại quy định này và các quy định khác của cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời, sử dụng có hiệu quả, trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 3. Việc chi tiêu tài chính phục vụ cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại quy định này phải có trong dự toán, được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định vào đầu năm ngân sách. Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh do Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh đảm

nhiệm dự toán, thanh toán và quyết toán; hoạt động của Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*gọi tắt là cấp huyện*) và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (*giám sát, khảo sát*) do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp đảm nhiệm dự toán, thanh toán, quyết toán; hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (*gọi tắt là cấp xã*) do Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp đảm nhiệm dự toán, thanh toán và quyết toán theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CỤ THỂ

Điều 4. Chi phục vụ các kỳ họp của Hội đồng nhân dân; hội nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân

1. Bồi dưỡng cho đại biểu Hội đồng nhân dân và khách mời dự họp vào các ngày làm việc: cấp tỉnh, cấp huyện 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi.

2. Bồi dưỡng cho đại biểu Hội đồng nhân dân và khách mời dự họp vào các ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ thì mức chi gấp 2 lần tương ứng như khoản 1 điều này.

3. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu Hội đồng nhân dân (*khách mời nếu có*) không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách Nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Chế độ phòng nghỉ cho đại biểu Hội đồng nhân dân: thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân nghiên cứu tài liệu: cấp tỉnh 300.000 đồng/kỳ họp; cấp huyện 200.000 đồng/kỳ họp và cấp xã 100.000 đồng/kỳ họp. Chủ tọa kỳ họp bồi dưỡng gấp 02 lần.

6. Chi bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, phóng viên báo, đài, nhân viên phục vụ trực tiếp các kỳ họp, cuộc họp: cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện, cấp xã 50.000 đồng/người/buổi; các ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ thì mức chi gấp 02 lần tương ứng cho từng cấp.

Điều 5. Chi bồi dưỡng cho hoạt động xây dựng văn bản và hoạt động thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết cá biệt trình Hội đồng nhân dân

1. Chi bồi dưỡng xây dựng nghị quyết là văn bản cá biệt của Hội đồng nhân dân (*cả tờ trình và dự thảo nghị quyết*), như sau: cấp tỉnh 1.000.000 đồng/văn bản; cấp huyện 500.000 đồng/văn bản và cấp xã 300.000 đồng/văn bản. Dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung mức chi bằng 70% văn bản dự thảo lần đầu.

2. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết được Hội đồng nhân dân thông qua và báo cáo chuyên đề của Ủy ban nhân dân và các cơ quan hữu

quan: cấp tỉnh 300.000 đồng/văn bản; cấp huyện 200.000 đồng/văn bản và cấp xã 100.000 đồng/văn bản.

3. Chi bồi dưỡng viết báo cáo hoạt động 06 tháng, cả năm, sơ kết giữa nhiệm kỳ, tổng kết nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân mức chi: cấp tỉnh 1.000.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 500.000 đồng/báo cáo; cấp xã 300.000 đồng/báo cáo.

4. Chi viết báo cáo hoạt động năm, sơ kết giữa nhiệm kỳ, tổng kết nhiệm kỳ của các Ban của Hội đồng nhân dân, mức chi: cấp tỉnh 500.000đ/báo cáo; cấp huyện 300.000 đồng/báo cáo và cấp xã 200.000 đồng/báo cáo.

5. Phát biểu khai mạc, bế mạc, chương trình kỳ họp, kịch bản chi tiết kỳ họp, đề cương tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân mức chi: cấp tỉnh 500.000 đồng/văn bản; cấp huyện 300.000 đồng/văn bản; cấp xã 200.000 đồng/văn bản.

6. Chi bồi dưỡng hoàn thiện biên bản kỳ họp mức chi: cấp tỉnh 500.000 đồng/biên bản, cấp huyện 300.000 đồng/biên bản, cấp xã 200.000 đồng/biên bản.

7. Chi viết báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng, cả năm của Ủy ban nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân, mức chi: cấp tỉnh 1.000.000 đồng/văn bản; cấp huyện 500.000 đồng/văn bản, cấp xã 200.000 đồng/văn bản.

8. Chi viết báo cáo chuyên đề của Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan tư pháp và các cơ quan hữu quan,... trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân mức chi: cấp tỉnh 500.000 đồng/văn bản; cấp huyện 300.000 đồng/văn bản và cấp xã 200.000 đồng/văn bản.

9. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri: cấp tỉnh 500.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 300.000 đồng/báo cáo và cấp xã 200.000 đồng/báo cáo. Báo cáo trả lời và báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị cử tri của Ủy ban nhân dân trình kỳ họp, mức chi: cấp tỉnh 1.500.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 1.000.000 đồng/báo cáo và cấp xã 500.000 đồng/báo cáo.

10. Chi cho tổ chức họp thẩm tra các báo cáo và dự thảo nghị quyết:

a) Người chủ trì cuộc họp: cấp tỉnh 200.000 đồng/cuộc họp, cấp huyện 150.000 đồng/cuộc họp, cấp xã 100.000 đồng/cuộc họp.

b) Thành viên dự họp nghiên cứu, tham gia hội nghị: cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 80.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 6. Chi bồi dưỡng hoạt động giám sát, khảo sát

Bồi dưỡng cho hoạt động giám sát, khảo sát gồm: xây dựng kế hoạch, đề cương và quyết định thành lập đoàn; báo cáo kết quả, các thành viên tham gia đoàn, họp triển khai và thông qua kết quả. Mức chi được quy định cụ thể như sau:

1. Bồi dưỡng xây dựng kế hoạch, đề cương và quyết định thành lập đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân

và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi: cấp tỉnh 500.000 đồng/đợt; cấp huyện và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện 300.000 đồng/đợt; cấp xã 200.000 đồng/đợt.

2. Bồi dưỡng xây dựng báo cáo kết quả giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo; các Ban của Hội đồng nhân dân và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo; Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo; Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã 300.000 đồng/báo cáo.

3. Bồi dưỡng xây dựng báo cáo, kế hoạch, đề cương và quyết định thành lập đoàn khảo sát, mức chi bằng 70% mức chi bồi dưỡng hoạt động giám sát.

4. Bồi dưỡng đoàn giám sát, khảo sát:

a) Trưởng đoàn: cấp tỉnh 200.000 đồng/đợt; cấp huyện và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh 150.000 đồng/đợt; cấp xã 100.000 đồng/đợt. Phó Trưởng đoàn bằng 70% mức chi của Trưởng đoàn.

b) Thành viên: cấp tỉnh, cấp huyện và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi.

c) Chi bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ: cấp tỉnh và huyện 80.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi.

5. Trường hợp thực hiện hoạt động giám sát có nội dung phức tạp, thuộc lĩnh vực chuyên môn sâu, cần lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập, Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực, các Ban và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập, nhưng phải có hợp đồng công việc, có sản phẩm chất lượng được thủ trưởng đơn vị phê duyệt. Mức chi: Không quá 2.000.000 đồng/báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn, nhưng không quá 5.000.000 đồng/đợt giám sát.

Điều 7. Chi bồi dưỡng tiếp xúc cử tri

Quy định này hỗ trợ tổ chức, bồi dưỡng đại biểu tiếp xúc cử tri. Mức chi cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ cho mỗi xã tổ chức tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh 4.000.000 đồng/xã/năm (*nội dung chi: trang trí, nước uống, bố trí ăn cho đại biểu ở xa*); cấp huyện 800.000 đồng/xã/năm; cấp xã chi thực tế cho việc trang trí và nước uống cho đại biểu theo quy định chung.

2. Chi bồi dưỡng cho cán bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện tham gia phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi.

3. Khoản chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động tiếp xúc cử tri 2.000.000 đồng/đại biểu/năm; cấp huyện 1.000.000 đồng/đại biểu/năm; cấp xã 500.000 đồng/đại biểu/năm.

Điều 8. Chi bồi dưỡng tổ chức lấy ý kiến đóng góp các dự án Luật do Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo

1. Chi bồi dưỡng người chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/cuộc.
2. Chi báo cáo viên trình bày văn bản Luật: 300.000 đồng/báo cáo.
3. Chi tổng hợp, viết báo cáo: 300.000 đồng/báo cáo.
4. Chi bồi dưỡng cho người có ý kiến đóng góp (*bằng văn bản*) vào dự án Luật 100.000 đồng/người/văn bản.
5. Bồi dưỡng cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ: 50.000 đồng/người/cuộc họp.

Các mức chi trên áp dụng cho cấp tỉnh và cấp huyện.

Điều 9. Chi hỗ trợ tiếp công dân

Chi hỗ trợ đối với Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo Ban pháp chế và công chức thường xuyên tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân tại trụ sở làm việc của Hội đồng nhân dân, mức khoán 300.000 đồng/người/tháng (*số người cụ thể được hỗ trợ do Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định*).

Điều 10. Các khoản chi thực hiện chế độ, chính sách

1. Về hoạt động phí: Đại biểu Hội đồng nhân dân (*bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách*) được hưởng hoạt động phí hàng tháng như sau:

- a) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Hệ số 0,5 mức lương cơ sở.
- b) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: Hệ số 0,4 mức lương cơ sở.
- c) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Hệ số 0,3 mức lương cơ sở.

2. Hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (*kể cả người hưởng lương hưu*) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách Nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân:

- a) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 0,14 mức lương cơ sở/ngày.
- b) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 0,12 mức lương cơ sở/ngày.
- c) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 0,10 mức lương cơ sở/ngày.

Ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân là ngày tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân theo kế hoạch, chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân.

3. Chế độ tặng quà đối với các đối tượng chính sách nhân dịp lễ, Tết Nguyên đán, hoặc tang gia, gặp rủi ro do thiên tai.

Đối tượng áp dụng gồm: Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945, gia đình có công với nước; các tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, lao động, sản xuất, kinh doanh; Trại điều dưỡng thương, bệnh binh; trẻ mồ côi, người tàn tật; Trường dân tộc nội trú, các đơn vị lực lượng vũ trang. Do Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, mức chi cụ thể như sau:

a) Tặng cho các tập thể: đối với cấp tỉnh không quá 3.000.000 đồng/lần và cấp huyện không quá 2.000.000 đồng/lần.

b) Tặng cho các cá nhân: cấp tỉnh không quá 1.000.000 đồng/lần; cấp huyện không quá 500.000 đồng/lần và cấp xã không quá 300.000 đồng/lần.

4. Chế độ chi thăm hỏi bệnh tật, khó khăn đột xuất, phúng viếng

a) Mức chi được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX “*quy định chế độ thăm hỏi, phúng viếng và hỗ trợ điều trị bệnh đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, những người công tác ở các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh*”.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (*kể cả người hưởng lương hưu*) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách Nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội, mức chi hỗ trợ do Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

c) Chế độ chi thăm hỏi bệnh tật, khó khăn đột xuất do Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, mức chi như sau:

- Chi thăm bệnh, trợ cấp khó khăn đột xuất hoặc tang gia cho đại biểu Hội đồng nhân dân và các đồng chí nguyên là Thường trực; Trưởng, Phó các Ban của Hội đồng nhân dân các khóa: cấp tỉnh không quá 2.000.000 đồng/lần; bị bệnh hiểm nghèo không quá 5.000.000 đồng/lần; cấp huyện không quá 1.000.000 đồng/lần, bệnh hiểm nghèo không quá 3.000.000 đồng/lần và cấp xã không quá 500.000 đồng/lần, bệnh hiểm nghèo không quá 2.000.000 đồng/lần (*bệnh hiểm nghèo hỗ trợ một lần, thăm bệnh và trợ cấp khó khăn không quá hai lần trong năm*).

- Thân nhân (*là cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ vợ, chồng và các con,...*) của đại biểu Hội đồng nhân dân có bệnh phải nằm viện mức thăm hỏi không quá

1.000.000 đồng/lần; bị bệnh hiểm nghèo không quá 3.000.000 đồng/lần, trường hợp tử trần cúng điệu 1.000.000 đồng, áp dụng cho cấp tỉnh và cấp huyện; cấp xã thăm bệnh 500.000 đồng/lần, bệnh hiểm nghèo không quá 2.000.000 đồng/lần (*bệnh hiểm nghèo hỗ trợ một lần, thăm bệnh không quá hai lần trong năm*).

- Đám tang (*cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ vợ, chồng*) lãnh đạo Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố mức chi không quá 1.000.000 đồng/lần.

- Đối với vợ, chồng, cha mẹ đẻ (*hoặc cha mẹ vợ, chồng*) của Thường trực, lãnh đạo các Ban, lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh bạn có mối liên hệ hoạt động thường xuyên với Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu: mức chi thăm hỏi khi bệnh nằm viện không quá 1.000.000 đồng/người/lần, cúng điệu khi tử trần không quá 2.000.000 đồng và 01 tràng hoa.

Điều 11. Hỗ trợ trang phục và chế độ báo chí cho đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được trang bị một máy tính xách tay (*Laptop hoặc máy tính bảng*) để phục vụ cho hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng đề án trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hỗ trợ may trang phục cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong nhiệm kỳ: cấp tỉnh hỗ trợ 5.000.000 đồng/đại biểu; cấp huyện mức hỗ trợ 4.000.000 đồng/đại biểu; cấp xã 2.000.000 đồng/đại biểu. Trường hợp là đại biểu Hội đồng nhân dân nhiều cấp thì được hưởng cấp cao hơn.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được cấp tờ Báo Đại biểu nhân dân và Báo Đảng (*cấp tỉnh do Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chi; cấp huyện do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chi; cấp xã do Ủy ban nhân dân xã chi*).

Điều 12. Chi tiếp khách trong nước

Về chi tiêu đón tiếp khách trong nước thực hiện theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Các khoản chi được quy định tại quy định này thuộc Hội đồng nhân dân cấp nào thì ngân sách cùng cấp bảo đảm và phải được cân đối vào dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân hàng năm.

Điều 14. Mức chi hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại quy định này là mức chi tối đa, căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách của cấp mình, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định điều chỉnh mức chi cụ thể từng nội dung, từng đối tượng cho phù hợp, đảm bảo cho hoạt động và trên tinh thần tiết kiệm.

Điều 15. Quá trình thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phù hợp thực tế với các quy định của Nhà nước./.